

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH
TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-PT

Ngày 26/5/2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nam

- Các Thẩm phán: Ông Hà Văn Chương

Ông Ma Ngọc Trung

- *Thư ký phiên toà:* Bà Lương Thị Kiều Vân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:* Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 02/2021/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 61/2021/HNGĐ-ST, ngày 01/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2021/QĐ-PT, ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số nhà 18, tổ 14, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Tạm trú thôn 8, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số nhà 18, tổ 14, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị H và anh T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đoàn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Xuân T đăng ký kết hôn ngày 16/12/1999 tại Ủy ban nhân dân phường M, thị xã Tuyên Quang, tỉnh Tuyên

Quang trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 14, phường M, thành phố T. Cuộc sống chung của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, từ năm 2017 đến nay vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống hai vợ chồng bất đồng quan điểm, suy nghĩ không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống không có sự đồng cảm, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T thường xuyên đánh chị. Từ tháng 10 năm 2020 vợ chồng sống ly thân cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T.

Về con chung: Chị H và anh Nguyễn Xuân T có 02 người con chung là Nguyễn Đoàn Tùng D, sinh ngày 20/10/2000 và Nguyễn Đoàn Tùng D1, sinh ngày 18/9/2006. Hiện cháu D đã trưởng thành nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu D1 đang học lớp 9 trường THCS Lê Quý Đôn, thành phố T. Chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đoàn Tùng D1 sau ly hôn, chị không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng chị và anh T sẽ tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Xuân T trình bày:*

Anh và chị Đoàn Thị H trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, anh chị có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/1999 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới vợ chồng anh chị sống tại tổ 14, phường M, thành phố T. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc. Thời gian gần đây vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, theo anh T mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng và có thể giải quyết những mâu thuẫn đó. Về việc chị Đoàn Thị H làm đơn khởi kiện ly hôn với anh, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Đoàn Thị H có 02 người con chung là Nguyễn Đoàn Tùng D, sinh ngày 20/10/2000 và Nguyễn Đoàn Tùng D1, sinh ngày 18/9/2006, anh không có ý kiến gì về việc nuôi con chung sau ly hôn vì anh không nhất trí ly hôn.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh T không có ý kiến gì.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 61/2021/HNGĐ-ST, ngày 01 tháng 3 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ: Các Điều 28 ; 147; khoản 2 Điều 227; 228; 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị H về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

2. Giao con chung Nguyễn Đoàn Tùng D1, sinh ngày 18/9/2006 cho chị Đoàn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau ly hôn. Anh Nguyễn Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Đoàn Thị H xác định chị và anh T có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Chị Đoàn Thị H xác nhận chị và anh T không vay nợ ai, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/3/2021, anh Nguyễn Xuân T có đơn kháng cáo đối với bản án số 61/2021/HNGĐ-ST, ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, với lý do anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa tới mức trầm trọng vẫn có thể hàn gắn được nên anh không nhất trí ly hôn với chị Đoàn Thị H, về con chung anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đoàn Tùng D1.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Về quan hệ hôn nhân nguyên đơn chị Đoàn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Xuân T cùng nhất trí thuận tình ly hôn; về quan hệ con chung chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Xuân T thống nhất thỏa thuận giao con chung, cháu Nguyễn Đoàn Tùng D1, sinh ngày 18/9/2006 cho anh Nguyễn Xuân T chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Đoàn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Xuân T là hợp lệ trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148; Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Xuân T;

Sửa bản án Hôn nhân gia đình số 61/2021/HNGĐ-ST, ngày 01/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Đoàn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Xuân T.

Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Đoàn Tùng D1, sinh ngày 18/9/2006 cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Đoàn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí anh Nguyễn Xuân T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Xuân T:

Ngày 15/3/2021, anh Nguyễn Xuân T có đơn kháng cáo đối với bản án số 61/2021/HNGĐ-ST, ngày 01 tháng 3 năm 2021, của Tòa án nhân dân thành phố T. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo nêu trên được chấp nhận là hợp lệ.

[2]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị H và anh Nguyễn Xuân T cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Xuân T và chị Đoàn Thị H đều thống nhất thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Đoàn Tùng D1, sinh ngày 18/9/2006 cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, quá trình giải quyết vụ án cháu Nguyễn Đoàn Tùng D1 cũng có nguyện vọng ở với anh T. Xét thấy anh T và chị H đều thống nhất thỏa thuận được với nhau về quan hệ hôn nhân và con chung. Vì vậy HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh T và chị H không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do thỏa thuận của các đương sự có thay đổi so với bản án sơ thẩm, nên anh Nguyễn Xuân T phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Xuân T;

Sửa bản án Hôn nhân gia đình số 61/2021/HNGĐ-ST, ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Đoàn Thị H và bị đơn anh Nguyễn Xuân T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Đoàn Tùng D, sinh ngày 18/9/2006 cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Đoàn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, (do anh T chưa yêu cầu) chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Xuân T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số 0000888 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Anh T đã nộp đủ án phí.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 26/5/2021)./

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố T;
- Chi Cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Nam

